

ĐỀ ÁN
Tuyển sinh sau đại học năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ và trang thông tin điện tử

- Tên trường: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

- Sứ mệnh của trường: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực ngành Y - Dược ở trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành quả nghiên cứu vào đào tạo và khám chữa bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước; trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu.

- Địa chỉ của trường: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, 06 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://huemed-univ.edu.vn>.

1.2. Quy mô đào tạo (đến ngày 31/12/2021)

TT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Số lượng
1	Tiến sĩ	51
1.1	Điện quang và y học hạt nhân	3
1.2	Khoa học y sinh	3
1.3	Nội khoa	19
1.4	Ngoại khoa	9
1.5	Nhi khoa	3
1.6	Sản phụ khoa	8
1.7	Y tế công cộng	6
2	Thạc sĩ	539
2.1	Dược lý dược lâm sàng	6
2.2	Điện quang và y học hạt nhân	47
2.3	Điều dưỡng	21
2.4	Gây mê hồi sức	13
2.5	Khoa học y sinh	14
2.6	Nội khoa	100
2.7	Ngoại khoa	95
2.8	Nhi khoa	64

TT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Số lượng
2.9	Răng - Hàm - Mặt	35
2.10	Sản phụ khoa	47
2.11	Tai - Mũi - Họng	27
2.12	Y học cổ truyền	18
2.13	Y tế công cộng	52
3	Bác sĩ nội trú	289
4	Chuyên khoa I	988
5	Chuyên khoa II	229

II. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2022

2.1. Tuyển sinh nghiên cứu sinh

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh: theo các điều kiện quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 26/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-ĐHH ngày 08/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế và Thông báo tuyển sinh nghiên cứu sinh của Đại học Huế.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trên cả nước.

2.1.3. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

2.1.4. Điều kiện xét tuyển: theo các điều kiện quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 26/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-ĐHH ngày 08/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế và Thông báo tuyển sinh nghiên cứu sinh của Đại học Huế.

2.1.5. Chỉ tiêu tuyển sinh: 36 chỉ tiêu theo từng ngành bao gồm chỉ tiêu cho hệ đào tạo bằng tiếng Việt và hệ đào tạo song ngữ bằng tiếng Anh.

TT	Ngành tuyển sinh	Mã số	Số chỉ tiêu
1	Nội khoa	9 72 01 07	8
2	Ngoại khoa	9 72 01 04	5
3	Sản phụ khoa	9 72 01 05	5
4	Nhi khoa	9 72 01 06	2
5	Điện quang và y học hạt nhân	9 72 01 11	5
6	Y tế công cộng	9 72 07 01	5
7	Khoa học y sinh	9 72 01 01	6

Ghi chú: Đối với dự bị tiến sĩ, Nhà trường tuyển 07 chỉ tiêu.

2.1.6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

2.1.7. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành của trường: theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế và Thông báo tuyển nghiên cứu sinh và dự bị tiến sĩ của Đại học Huế.

2.1.8. Chính sách ưu tiên: theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

2.1.9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 - 2026, đã được Hội đồng Đại học Huế thông qua và đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Tuyển sinh cao học

2.2.1. Đối tượng tuyển sinh: thí sinh dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cấp. Đối với văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải có văn bản thẩm định và công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên cả nước.

2.2.3. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc xét tuyển kết hợp thi tuyển (kỳ thi phụ được đưa vào trong tiêu chí xét tuyển đặc thù của Trường) quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế.

- Việc xét tuyển do Đại học Huế tổ chức. Tuyển sinh Cao học năm 2022 theo thông báo của Đại học Huế và của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2.2.3.1. Phương án tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển với thi tuyển (kỳ thi phụ), trong đó điểm thi được sử dụng cho tiêu chí phụ (Tiêu chí 3 trong Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Đại học Huế).

2.2.3.2. Cách tính điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển = <Điểm Tiêu chí 1> *2 + <Điểm Tiêu chí 2> + <Điểm Tiêu chí 3> + <Điểm đối tượng ưu tiên>

- Điểm Tiêu chí 1, Điểm Tiêu chí 2 và Điểm đối tượng ưu tiên: theo quy định của Đại học Huế trong Thông báo tuyển sinh.

- Điểm Tiêu chí 3: là điểm thi tuyển trong kỳ thi phụ của Trường Đại học Y - Dược, trong đó:

+ Môn thi: Là môn chủ chốt (chuyên ngành).

+ Thi tuyển theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến (tùy diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19); trắc nghiệm hoặc tự luận. Điểm bài thi được tính trên thang điểm 100 để thành Điểm Tiêu chí 3.

2.2.3.3. *Cách xét tuyển:* Lấy <Điểm xét tuyển> từ cao đến thấp theo từng ngành đào tạo của Trường đến hết chỉ tiêu xét tuyển (theo quy định của Đại học Huế trong thông báo tuyển sinh).

2.2.3.4. *Các môn thi chủ chốt theo từng ngành*

TT	Ngành dự tuyển	Môn chủ chốt (chuyên ngành)
1	Điều dưỡng	Điều dưỡng
2	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức
3	Khoa học y sinh	Hóa sinh y học
4	Nội khoa	Nội khoa
5	Ngoại khoa	Ngoại khoa
6	Nhi khoa	Nhi khoa
7	Răng - Hàm - Mặt	Răng Hàm Mặt
8	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa
9	Tai - Mũi - Họng	Tai Mũi Họng
10	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền
11	Y tế công cộng	Tổ chức y tế
12	Điện quang và y học hạt nhân	Chẩn đoán hình ảnh
13	Dược lý và dược lâm sàng	Dược lý và dược lâm sàng
14	Quản lý bệnh viện	Tổ chức y tế

2.2.3.5. *Thời gian và địa điểm tổ chức kỳ thi phụ của Trường*

- Triển khai tổ chức thi tuyển theo quy định hiện hành và phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19. Kế hoạch cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh.

- Địa điểm: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2.2.4. **Điều kiện xét tuyển:** theo các điều kiện quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 01/9/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế và Thông báo tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

2.2.5. Chỉ tiêu tuyển sinh: theo chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh hàng năm theo ngành, tổng chỉ tiêu năm 2022 là 281 chỉ tiêu.

TT	Ngành cao học	Mã số	Số chỉ tiêu
1	Nội khoa	8720107	55
2	Ngoại khoa	8720104	45
3	Sản phụ khoa	8720105	20
4	Nhi khoa	8720106	20
5	Điện quang và y học hạt nhân	8720111	16
6	Khoa học y sinh	8720101	15
7	Y tế công cộng	8720701	30
8	Tai - Mũi - Họng	8720155	15
9	Răng - Hàm - Mặt	8720501	15
10	Y học cổ truyền	8720115	10
11	Điều dưỡng	8720301	20
12	Gây mê hồi sức	8720102	12
13	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	08

2.2.6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

2.2.7. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành của trường

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế và thông báo tuyển sinh cao học năm 2022 của Đại học Huế.

2.2.8. Chính sách ưu tiên: theo quy định của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

2.2.9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 - 2026, đã được Hội đồng Đại học Huế thông qua và đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Tuyển sinh chuyên khoa I

2.3.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học bác sĩ, dược sĩ, cử nhân y khoa.

2.3.2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

2.3.3. Phương thức tuyển sinh

Thi tuyển đầu vào do Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế tổ chức.

2.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được xây dựng theo ngành có thể được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế trong các đợt tuyển sinh.

2.3.5. Điều kiện dự thi

- Thí sinh chỉ đăng ký dự thi ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ đại học.

- Riêng đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc. Các thí sinh thuộc diện này cần nộp đầy đủ các minh chứng làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi

- Đối với bác sĩ Y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi chuyên môn khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng thì được đăng ký dự thi chuyên khoa I chuyên ngành Y học gia đình.

- Thí sinh dự thi chuyên ngành Y tế công cộng, Điều dưỡng có bằng tốt nghiệp Đại học với hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học phải tốt nghiệp đạt loại khá trở lên.

- Có chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề theo Quy định của Luật Khám chữa bệnh.

- Có thời gian công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ 12 tháng trở lên đến thời điểm đăng ký dự thi.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa I tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

2.3.6. Chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến là 750 chỉ tiêu.

TT	Chuyên ngành	Mã số	Môn thi	
			Cơ sở	Chuyên ngành
1	Nội khoa	CK 60 72 20	Sinh lý	Nội khoa
2	Thần kinh	CK 60 72 21	Sinh lý	Thần kinh
3	Ngoại khoa	CK 60 72 07	Giải phẫu	Ngoại khoa
4	Sản phụ khoa	CK 60 72 13	Giải phẫu	Sản phụ khoa
5	Nhi khoa	CK 60 72 16	Sinh lý	Nhi khoa
6	Nhãn khoa	CK 60 72 56	Giải phẫu ĐMC	Nhãn khoa
7	Răng Hàm Mặt	CK 60 72 28	Cơ sở RHM	Răng Hàm Mặt
8	Tai Mũi Họng	CK 60 72 53	Giải phẫu ĐMC	Tai Mũi Họng
9	Chẩn đoán hình ảnh	CK 60 72 05	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
10	Gây mê hồi sức	CK 60 72 31	Sinh lý	Gây mê hồi sức
11	Hồi sức cấp cứu	CK 60 72 31	Sinh lý	Hồi sức cấp cứu
12	Y học cổ truyền	CK 60 72 60	Sinh lý	Y học cổ truyền
13	Phục hồi chức năng	CK 60 72 43	Sinh lý	Phục hồi chức năng
14	Dược lý - DLS	CK 60 73 05	Hóa phân tích	DL-DLS
15	TC-QLD	CK 60 73 20	Hóa phân tích	TC-QLD
16	Dược liệu - DCT	CK 60 73 10	Hóa phân tích	DL-DCT
17	Da liễu	CK 60 73 10	Sinh lý	Da liễu
18	Tâm thần	CK 60 72 22	Sinh lý	Tâm thần
19	Truyền nhiễm BNĐ	CK 60 72 38	Sinh lý	Truyền nhiễm
20	Hóa sinh y học	CK 60 72 04	Sinh lý	Hóa sinh
21	Huyết học TM	CK 60 72 25	Sinh lý	HH-TM
22	Y học gia đình	CK 60 72 98	Sinh lý	Y học gia đình
23	Y tế công cộng	CK 60 72 76	Dịch tễ học cơ sở	Tổ chức y tế
24	Y học dự phòng	CK 60 72 73	Dịch tễ học cơ sở	Y học dự phòng
25	Dịch tễ học	CK 60 72 70	Tổ chức y tế	Dịch tễ học
26	Điều dưỡng	CK 60 72 90	Điều dưỡng cơ bản	Điều dưỡng đa khoa
27	Cấp cứu đa khoa	CK 60 72 31	Sinh lý	Cấp cứu đa khoa
28	Ung thư	CK 60 72 23	Giải phẫu	Ung thư
29	KST-CT	CK 60 72 65	Vi sinh	Ký sinh trùng
30	Lao	CK 60 72 24	Sinh lý	Lao
31	Sinh lý	CK 60 72 04	Giải phẫu	Sinh lý
32	Vi sinh y học	CK 60 72 68	Ký sinh trùng	Vi sinh

2.3.7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự thi: Theo quy định của Bộ Y tế.

2.3.8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các chuyên ngành của trường

2.3.9. Chính sách ưu tiên: các đối tượng ưu tiên được xem xét trong tuyển chọn theo quy định tuyển sinh sau đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế hiện hành.

2.3.10. Học phí dự kiến theo lộ trình tăng học phí cho từng năm

- Căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 - 2026, đã được Hội đồng Đại học Huế thông qua và đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4. Tuyển sinh chuyên khoa II

2.4.1. Đối tượng tuyển sinh: thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I, thạc sĩ, bác sĩ nội trú.

2.4.2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

2.4.3. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đầu vào do Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế tổ chức.

2.4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được xây dựng theo chuyên ngành có thể được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế trong 2 đợt tuyển sinh.

2.4.5. Điều kiện dự thi

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I hoặc bác sĩ nội trú hoặc thạc sĩ chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành dự thi ở trình độ chuyên khoa II.

- Có chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề theo Quy định của Luật Khám chữa bệnh.

- Thí sinh tốt nghiệp chuyên khoa I có thâm niên chuyên môn trong chuyên ngành dự thi 6 năm trở lên kể từ ngày tốt nghiệp đại học (không tính thời gian học chuyên khoa I) hoặc có thâm niên chuyên môn trong chuyên ngành dự thi 3 năm trở lên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ, bác sĩ nội trú.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa II tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

2.4.6. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến: 250 chỉ tiêu.

- Môn thi Ngoại ngữ: tiếng Anh/tiếng Pháp.

- Môn chuyên ngành

TT	Chuyên ngành	Mã số	Môn chuyên ngành
1	Nội khoa	CK 62 72 20 40	Nội khoa
2	Nội tiêu hóa	CK 62 72 20 01	Nội tiêu hóa
3	Nội thận tiết niệu	CK 62 72 20 20	Nội thận tiết niệu
4	Nội tiết	CK 62 72 20 15	Nội tiết
5	Nội tim mạch	CK 62 72 20 25	Nội tim mạch
6	Lão khoa	CK 62 72 20 30	Lão khoa
7	Thần kinh	CK 62 72 21 40	Thần kinh
8	Ngoại khoa	CK 62 72 07 50	Ngoại khoa
9	Chấn thương chỉnh hình	CK 62 72 07 25	Chấn thương chỉnh hình
10	Ngoại tiêu hóa	CK 62 72 07 01	Ngoại tiêu hóa
11	Ngoại tiết niệu	CK 62 72 07 15	Ngoại tiết niệu
12	Sản phụ khoa	CK 62 72 13 03	Sản phụ khoa
13	Sản khoa	CK 62 72 13 01	Sản khoa
14	Phụ khoa	CK 62 72 13 02	Phụ khoa
15	Nhi khoa	CK 62 72 16 55	Nhi khoa
16	Nhi tiêu hóa	CK 62 72 16 05	Nhi tiêu hóa
17	Nhi tim mạch	CK 62 72 16 15	Nhi tim mạch
18	Nhi thận tiết niệu	CK 62 72 16 35	Nhi thận tiết niệu
19	Nhi sơ sinh	CK 62 72 16 01	Nhi sơ sinh
20	Nhãn khoa	CK 62 72 56 01	Nhãn khoa
21	Mũi họng	CK 62 72 53 05	Mũi họng
22	Gây mê hồi sức	CK 62 72 33 01	Gây mê hồi sức
23	Chẩn đoán hình ảnh	CK 62 72 05 01	Chẩn đoán hình ảnh
24	Răng hàm mặt	CK 62 72 28 15	Răng hàm mặt
25	Y học cổ truyền	CK 62 72 60 01	Y học cổ truyền
26	Hóa sinh y học	CK 62 72 04 01	Hóa sinh y học
27	Huyết học	CK 62 72 25 01	Huyết học
28	Truyền nhiễm	CK 62 72 38 01	Truyền nhiễm
29	Tâm thần	CK 62 72 22 45	Tâm thần
30	Quản lý y tế	CK 62 72 76 05	Quản lý y tế
31	Hồi sức cấp cứu	CK 62 72 31 01	Hồi sức cấp cứu
32	Ung thư	CK 62 72 23 21	Ung thư

2.4.7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự thi: theo quy định của Bộ Y tế.

2.4.8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành của trường

2.4.9. Chính sách ưu tiên:

Các đối tượng ưu tiên được xem xét trong tuyển chọn.

2.4.10. Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 - 2026, đã được Hội đồng Đại học Huế thông qua và đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.5. Tuyển sinh bác sĩ nội trú

2.5.1. Đối tượng tuyển sinh: thí sinh có bằng tốt nghiệp bác sĩ hệ chính quy loại khá trở lên năm 2021.

2.5.2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

2.5.3. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đầu vào do Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế tổ chức.

2.5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: theo chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh hàng năm theo ngành, tổng chỉ tiêu năm 2022 là 135.

2.5.5. Điều kiện dự thi

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ y khoa hệ chính quy năm 2021 thuộc ngành học tương ứng với chuyên ngành dự thi và đạt loại khá trở lên.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (từ lý do sức khỏe).

- Có đủ sức khỏe học tập.

2.5.6. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Môn thi 1: Ngoại ngữ

- Môn thi 2: Chọn 1 trong 4 môn gồm: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y sinh học di truyền.

TT	Chuyên ngành	Mã ngành	Môn thi 3	Môn thi 4	Chỉ tiêu
1	Nội khoa	NT 62 72 20 50	Nội	Nhi	20
2	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	Ngoại	Sản	20
3	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	Sản	Ngoại	10
4	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	Nhi	Nội	15
5	Nhãn khoa	NT 62 72 56 01	Ngoại	Mắt	6
6	Tai Mũi họng	NT 62 72 53 01	Ngoại	Tai mũi họng	7
7	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	Nội	Chẩn đoán hình ảnh	15

TT	Chuyên ngành	Mã ngành	Môn thi 3	Môn thi 4	Chỉ tiêu
8	Huyết học-Truyền máu	NT 62 72 25 01	Nội	Nhi	3
9	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	Lý luận y học cổ truyền	Nội y học cổ truyền	3
10	Răng Hàm mặt	NT 62 72 28 01	Nha khoa	Phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	10
11	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	Nội	Lý thuyết gây mê hồi sức cơ bản	10
12	Ung thư	NT 62 72 23 01	Ngoại	Ung thư	8
13	Hồi sức cấp cứu	NT 62 72 31 01	Nội	Lý thuyết hồi sức cấp cứu cơ bản	8
Tổng cộng					135

2.5.7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự thi: theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

2.5.8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các chuyên ngành của trường

Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/BGDĐT) được miễn thi môn ngoại ngữ.

2.5.9. Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 - 2026, đã được Hội đồng Đại học Huế thông qua và đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Đại học Huế;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT; ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy